

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ
BÙI VIỆT THẮNG. ODA của Trung Quốc
cho các nước ASEAN và hàm ý cho Việt Nam

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

Mã số: 9.31.01.06

Trong suốt hai thập niên qua, Trung Quốc đã triển khai nhiều chiến lược nhằm theo đuổi “Giấc mộng Trung Hoa”, tham vọng bá chủ toàn cầu, thông qua các chương trình đầu tư, viện trợ. Trong chiến lược phát triển của Trung Quốc, Đông Nam Á là khu vực có vai trò quan trọng và luôn được coi là sân sau chiến lược. Do đó, những năm gần đây, Trung Quốc ngày một chú trọng nhiều hơn tới khu vực này. Mặc dù những khoản viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Trung Quốc đang góp phần làm thay đổi diện mạo của các nước khu vực Đông Nam Á song nguồn vốn này cũng để lại nhiều tác động tiêu cực và nghi ngại đối với các nước tiếp nhận ODA, trong đó có Việt Nam. Luận án tập trung làm rõ thực trạng ODA của Trung Quốc ở các quốc gia ASEAN, đặc biệt là 4 nước kém phát triển nhất khu vực là Lào, Campuchia, Myanmar và Việt Nam; từ đó đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam trong việc ứng xử với ODA của Trung Quốc.

Nội dung chính của Luận án gồm 4 chương: 1- *Tổng quan tình hình nghiên cứu*; 2- *Cơ sở lý luận và thực tiễn về ODA của Trung Quốc*; 3- *Thực trạng ODA của Trung Quốc cho các nước ASEAN giai đoạn 2000-2019*; 4- *ODA của Trung Quốc cho Việt Nam và một số hàm ý*.

Trung Quốc đã sử dụng mạnh mẽ con bài “ngoại giao kinh tế”, “ngoại giao quà tặng” đối với các quốc gia khu vực Đông Nam Á nhằm gia tăng sự phụ thuộc của các quốc gia này vào Trung Quốc, cũng như đổi lấy sự ủng hộ đối với Trung Quốc về các vấn đề ngoại giao - chính trị. Kể từ đầu những năm 1950, gói hỗ trợ tài chính dành cho Việt Nam được coi là khoản viện trợ

nước ngoài đầu tiên trong nhiều gói hỗ trợ sau đó cho khu vực Đông Nam Á.

ODA của Trung Quốc cho các nước ASEAN chủ yếu hướng tới mục tiêu kinh tế, gắn liền với các lợi ích chính trị, lợi ích chiến lược của nước này, như duy trì trật tự an ninh khu vực, kết nối với Nam Á, gia tăng tầm ảnh hưởng để cân bằng với các đối trọng như Mỹ, Ấn Độ và Nhật Bản, lôi kéo sự ủng hộ của các nước nhận viện trợ xích gần hơn vào “quỹ đạo Trung Quốc”.

Về quy mô viện trợ: Tổng số viện trợ ODA Trung Quốc cấp cho các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014 là khoảng 8,1 tỷ USD, tương đương với 10% tổng số vốn ODA của Trung Quốc trên toàn cầu và 21% ODA của Trung Quốc ở khu vực châu Á: Campuchia là 3,6 tỷ USD, Lào là 855 triệu USD, Myanmar là 781 triệu USD. Nếu so sánh với khối lượng viện trợ ODA của Nhật Bản cho khu vực Đông Nam Á thì khối lượng viện trợ ODA của Trung Quốc vẫn còn khiêm tốn, bởi chỉ tính riêng tổng lượng vốn ODA của Nhật Bản cho Việt Nam, Lào và Campuchia trong vòng 5 năm (giai đoạn 2009-2014) thì con số đã lên tới 7,4 tỷ USD, xấp xỉ bằng tổng ODA của Trung Quốc cho 8 nước ASEAN trong vòng 15 năm (giai đoạn 2000-2014).

Về cơ cấu vốn viện trợ: trong ba hình thức ODA của Trung Quốc (viện trợ không hoàn lại, cho vay không lãi suất và cho vay với lãi suất ưu đãi) dành cho khu vực Đông Nam Á, các khoản cho vay lãi suất ưu đãi hoàn toàn chiếm ưu thế. Trong giai đoạn 2000-2014, tỷ trọng ODA dưới hình thức cho vay ưu đãi chiếm tới 77,5% tổng số vốn ODA của Trung Quốc cho các nước ASEAN, trong khi đó viện trợ không hoàn lại chỉ chiếm xấp xỉ 9,6%. Campuchia, Lào, Việt Nam, Indonesia và Myanmar là những quốc gia nhận được mức viện trợ không hoàn lại lớn nhất khu vực, với tỷ lệ lần lượt là 42%, 18%, 13%, 12% và 10%.

Về mục tiêu viện trợ: Theo Tổ chức ONE, ODA của Trung Quốc dành cho các nước ASEAN đã không hoàn thành được chỉ tiêu mà ONE đưa ra. Cụ thể, tỷ lệ vốn ODA Trung Quốc lĩnh vực như y tế chỉ chiếm 0,16%, giáo dục 0,17%, cung cấp nước sạch và vệ sinh 0,05%, cứu trợ lương thực 0,02%, phục vụ cho mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ 0%. Như vậy, ODA của Trung Quốc cho các mục đích an sinh xã hội (50%) và mục tiêu bình đẳng giới (85%) ở khu vực Đông Nam Á còn khá eo hẹp trong khi đây lại chính là điểm nghẽn về phát triển của nhiều quốc gia trong khu vực.

Về chất lượng viện trợ: Viện trợ của Trung Quốc thường xuyên gặp phải những vấn đề về thiếu tính minh bạch, liên quan tới số liệu ODA cam kết và giải ngân, quy trình xét duyệt, triển khai và thẩm tra dự án, vấn đề đội chi phí ở các dự án ODA,... Mặc dù được vay vốn với lãi suất ưu đãi nhưng chi phí triển khai trong các dự án của Trung Quốc thường quá cao, kèm theo những ràng buộc về hợp đồng mua công nghệ, thuê chuyên gia không phù hợp hoặc không cần thiết (gần như 100% từ Trung Quốc), như: Dự án đường sắt cao tốc Indonesia - Trung Quốc, Dự án đường sắt trị giá tới 20 tỷ USD ở Malaysia,...

Viện trợ của Trung Quốc đối với các nước ASEAN đa phần tập trung vào các ngành năng lượng, giao thông vận tải và lưu kho, tuy mang lại nhiều tác động tích cực cho nước tiếp nhận nhưng cũng để lại nhiều hệ lụy môi trường - xã hội ở các nước này. Bên cạnh đó, ODA của Trung Quốc thường hướng tới những siêu dự án, yêu cầu quy mô nguồn vốn lớn nhưng khả năng thu hồi vốn lại kéo dài, dẫn tới tình trạng nhiều khoản vay lâm vào tình cảnh khó trả. Thực tế này đã đẩy một số quốc gia ASEAN như Lào, Campuchia và Myanmar đứng trước áp lực nợ xấu với Trung Quốc.

Đối với Việt Nam, viện trợ ODA của Trung Quốc trong giai đoạn 2000-2014 còn khá khiêm tốn (350 triệu USD), chiếm 4,3%

tổng viện trợ ODA của Trung Quốc cho khu vực Đông Nam Á. Các dự án ODA chủ yếu tập trung vào lĩnh vực cung ứng và sản xuất năng lượng ở Việt Nam, chiếm tới 55,27% tổng viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam. Trong cơ cấu viện trợ ODA của Trung Quốc, chỉ khoảng 28,9% vốn ODA dành cho Việt Nam trong giai đoạn 2000-2014, còn lại là cho vay có lãi, đặc biệt hầu hết các dự án viện trợ có giá trị lớn của Trung Quốc đều dưới hình thức cho vay ưu đãi nhưng trên thực tế lãi suất khá cao. Viện trợ của Trung Quốc áp dụng mức lãi suất xấp xỉ 3% (chưa tính tới 0,5% phí quản lý và 0,5% phí dịch vụ), trong khi thời gian cho vay ngắn 15 năm và thời gian ân hạn chỉ 5 năm, cho thấy các khoản viện trợ này không mang tính chất ưu đãi mà chỉ giúp Việt Nam phát triển kinh tế trong ngắn hạn. Vì vậy, trong dài hạn, dòng vốn này có nguy cơ sẽ khiến Việt Nam bị lệ thuộc và mắc nợ cao.

Các khoản ODA của Trung Quốc đang là bài toán nan giải cho Việt Nam khi ngày càng nảy sinh nhiều vấn đề liên quan tới tiền độ, chất lượng và hiệu quả của nguồn vốn này. Điển hình như Dự án tuyến Đường sắt Cát Linh - Hà Đông (Hà Nội), Dự án Đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái (Quảng Ninh), Dự án Khu công nghiệp Đình Vũ (Hải Phòng)... Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam đã tốt nghiệp ODA nhưng nhu cầu về vốn đầu tư vẫn còn rất lớn, thì Việt Nam nên cân nhắc ODA của Trung Quốc như một kênh huy động vốn cần thiết cho phát triển kinh tế. Từ thực tế đó, Luận án đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam nhằm khắc phục những thách thức đặt ra và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn ODA của Trung Quốc, đồng thời hạn chế các gánh nặng tài chính không lồ do việc vay vốn từ quốc gia này.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2021.

TA.
giới thiệu